

Số: 404/1/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 14 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong các lĩnh vực môi trường, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, khí tượng thủy văn, biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 tháng 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 634/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 2813/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi và thủ tục hành chính bị bãi bỏ liên quan đến kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đất đai, môi trường, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, đo đạc bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 62 thủ tục hành chính (cấp tỉnh: 57 thủ tục; cấp huyện: 03 thủ tục; cấp xã: 02 thủ tục) trong các lĩnh vực môi trường, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, khí tượng thủy văn, biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang (có Danh mục kèm theo);

Nội dung chi tiết của các thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 634/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 3 năm 2016; Quyết định số

2528/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 10 năm 2017; Quyết định số 2813/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 9 năm 2018; Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; chịu trách nhiệm về hình thức, nội dung công khai thủ tục hành chính tại đơn vị theo đúng quy định đối với những thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế:

Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang (03 thủ tục hành chính);

Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đã chuẩn hóa về nội dung (02 thủ tục hành chính);

Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang (24 thủ tục hành chính);

Quyết định số 3258/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang (11 thủ tục hành chính);

Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang (17 thủ tục hành chính);

Quyết định số 1513/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang (05 thủ tục hành chính cấp tỉnh).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KS TTHC);
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PVP Trần Văn Đồng,
P. KSTTHC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT(Hiếu).

15/6

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thanh Đức

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG, TÀI NGUYÊN NƯỚC, ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN, KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, BIỂN VÀ HẢI ĐẢO THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TIỀN GIANG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4041/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2018



A. CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

1. Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (CTNH) - BTM-TGG-264800

a) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký.

- Thời hạn xem xét cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, đầy đủ:

+ 15 ngày làm việc;

+ 30 ngày làm việc trong trường hợp đăng ký chủ nguồn thải CTNH thuộc đối tượng tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH, trong đó thời gian Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra cơ sở trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (Thời gian kiểm tra đối với một cơ sở không quá 02 ngày làm việc) và 15 ngày còn lại có trách nhiệm cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

Lưu ý: Thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn xem xét, cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: Không quy định.

d) Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

- Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý CTNH.

2. Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại - BTM-TGG-264801

a) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký.

- Thời hạn xem xét cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, đầy đủ:

+ 15 ngày làm việc;

+ 30 ngày làm việc trong trường hợp đăng ký chủ nguồn thải CTNH thuộc đối tượng tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH, trong đó thời gian Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra cơ sở trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (Thời gian kiểm tra đối với một cơ sở không quá 02 ngày làm việc) và 15 ngày còn lại có trách nhiệm cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

*Lưu ý: Thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn xem xét, cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: Không quy định.

d) Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

- Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý CTNH.

3. Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường - BTM-TGG-264778

a) Thời hạn giải quyết: Không quá mười lăm (10) ngày kể từ ngày nhận được kế hoạch bảo vệ môi trường.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: Không quy định.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014.

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược; đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

4. Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất - BTM-TGG-264782

a) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ và có văn bản trả lời: Ba mươi (30) ngày làm việc (không bao gồm thời gian hoàn thiện hồ sơ của tổ chức, cá nhân).

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: chưa quy định.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Bảo vệ môi trường 2014;

- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất;

- Thông tư số 03/2018/TT-BTNMT ngày 14/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính liên quan đến kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận bị mất hoặc hư hỏng) - BTM-TGG-264789

a) Thời hạn giải quyết: Mười (10) ngày làm việc làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của tổ chức, cá nhân.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: chưa quy định.

d) Căn cứ pháp lý:

- Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.

- Thông tư số 03/2018/TT-BTNMT ngày 14/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính liên quan đến kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận hết hạn) - BTM-TGG-264788

a) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ và có văn bản trả lời: Hai mươi (20) ngày làm việc (không bao gồm thời gian hoàn thiện hồ sơ của tổ chức, cá nhân).

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: chưa quy định.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Bảo vệ môi trường 2014;

- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư 41/2015/TT-BTNMT ngày 09/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.

- Thông tư số 03/2018/TT-BTNMT ngày 14/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính liên quan đến kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7. Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường - BTM-TGG-265040

a) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: 20 ngày làm việc.

b) Địa điểm thực hiện:

- Đối với các dự án đầu tư ngoài các khu công nghiệp và cụm công nghiệp: Gửi hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang).

- Đối với các dự án đầu tư thứ cấp trong các khu công nghiệp và cụm công nghiệp: Gửi hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ban quản lý các Khu công nghiệp Tiền Giang (Số 27, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 4, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang).

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí:

- Biểu mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Tổng vốn đầu tư (tỷ VNĐ)/dự án	≤50	>50 và ≤100	>100 và ≤200	>200 và ≤500	>500
Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5,0	6,5	12,0	14,0	17,0
Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng	6,9	8,5	15,0	16,0	25,0
Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật	7,5	9,5	17,0	18,0	25,0
Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	7,8	9,5	17,0	18,0	24,0
Nhóm 5. Dự án giao thông	8,1	10,0	18,0	20,0	25,0
Nhóm 6. Dự án công nghiệp	8,4	10,5	19,0	20,0	26,0
Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5,0	6,0	10,8	12,0	15,6

- Trường hợp báo cáo đánh giá tác động môi trường; đề án bảo vệ môi trường chi tiết không được Hội đồng thẩm định thông qua, mức thu bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu áp dụng đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường; đề án bảo vệ môi trường chi tiết chính thức.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật bảo vệ môi trường 2014

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

8. Cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án - BTM-TGG-264774

a) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Thời hạn cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường:

+ Đối với dự án không tiến hành lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu môi trường để kiểm chứng: mười lăm (15) ngày làm việc;

+ Đối với dự án phải tiến hành lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu môi trường để kiểm chứng: ba mươi (30) ngày làm việc.

b) Địa điểm thực hiện:

- Đối với các dự án đầu tư ngoài các khu công nghiệp và cụm công nghiệp: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Đối với các dự án đầu tư thứ cấp trong các khu công nghiệp và cụm công nghiệp: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ban quản lý các Khu công nghiệp Tiền Giang (Số 27 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 4, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014.

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược; đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

9. Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt) - BTM-TGG-265041

a) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Thời hạn thẩm định: không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời hạn phê duyệt: 20 (hai mươi) ngày làm việc.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí:

- Biểu mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tổng vốn đầu tư (tỷ VNĐ)/dự án	£50	>50 và £100	>100 và £200	>200 và £500	>500
Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5,0	6,5	12,0	14,0	17,0
Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng	6,9	8,5	15,0	16,0	25,0
Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật	7,5	9,5	17,0	18,0	25,0
Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	7,8	9,5	17,0	18,0	24,0
Nhóm 5. Dự án giao thông	8,1	10,0	18,0	20,0	25,0
Nhóm 6. Dự án công nghiệp	8,4	10,5	19,0	20,0	26,0
Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5,0	6,0	10,8	12,0	15,6

- Trường hợp báo cáo đánh giá tác động môi trường không được Hội đồng thẩm định thông qua, mức thu không quá 50% (năm mươi phần trăm) mức thu áp dụng đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường chính thức.

- Biểu mức thu phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	£50	>50 và £100	>100 và £200	>200 và £500	>500
Mức thu phí	8,4	10,5	19,0	20,0	26,0

Trường hợp thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung được thành lập Hội đồng chung với Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung không được Hội đồng thẩm định thông qua, cần thẩm định lại: mức thu bằng 50% mức thu phí tại bảng trên.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

- Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

10. Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt) - BTM-TGG-265042

a) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ và ra Quyết định phê duyệt:

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí:

- Biểu mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tổng vốn đầu tư (tỷ VNĐ)/dự án	£50	>50 và £100	>100 và £200	>200 và £500	>500
Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5,0	6,5	12,0	14,0	17,0
Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng	6,9	8,5	15,0	16,0	25,0
Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật	7,5	9,5	17,0	18,0	25,0
Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	7,8	9,5	17,0	18,0	24,0
Nhóm 5. Dự án giao thông	8,1	10,0	18,0	20,0	25,0
Nhóm 6. Dự án công nghiệp	8,4	10,5	19,0	20,0	26,0
Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5,0	6,0	10,8	12,0	15,6

- Trường hợp báo cáo đánh giá tác động môi trường không được Hội đồng thẩm định thông qua, mức thu không quá 50% (năm mươi phần trăm) mức thu áp dụng đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường chính thức.

- Biểu mức thu phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	£50	>50 và £100	>100 và £200	>200 và £500	>500
Mức thu phí	8,4	10,5	19,0	20,0	26,0

Trường hợp thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung được thành lập Hội đồng chung với Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung không được Hội đồng thẩm định thông qua, cần thẩm định lại: mức thu bằng 50% mức thu phí tại bảng trên.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;
- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;
- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

- Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

11. Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt) - BTM-TGG-264795

a) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: năm (05) ngày làm việc.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ và ra Quyết định phê duyệt:

+ Thời hạn thẩm định phương án tối đa là 35 (ba mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ;

+ Thời hạn phê duyệt phương án: Không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc (thời gian chỉnh sửa hồ sơ của tổ chức, cá nhân không tính vào thời gian thẩm định, phê duyệt).

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí:

- Biểu mức thu phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	£50	>50 và £100	>100 và £200	>200 và £500	>500
Mức thu phí	8,4	10,5	19,0	20,0	26,0

Trường hợp thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung được thành lập Hội đồng chung với Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung không được Hội đồng thẩm định thông qua, cần thẩm định lại: mức thu bằng 50% mức thu phí tại bảng trên.

d) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;
- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;
- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.
- Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

12. Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt) - BTM-TGG-264796

a) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.
- Thời hạn thẩm định hồ sơ và ra Quyết định phê duyệt:
 - + Thời hạn thẩm định phương án bổ sung tối đa là 35 (ba mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ;

+ Thời hạn phê duyệt phương án bổ sung: Không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc (thời gian chỉnh sửa hồ sơ của tổ chức, cá nhân không tính vào thời gian thẩm định, phê duyệt).

b) Cách thức thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí:

- Biểu mức thu phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	£50	>50 và £100	>100 và £200	>200 và £500	>500
Mức thu phí	8,4	10,5	19,0	20,0	26,0

Trường hợp thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung được thành lập Hội đồng chung với Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung không được Hội đồng thẩm định thông qua, cần thẩm định lại: mức thu bằng 50% mức thu phí tại bảng trên.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

- Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

13. Xác nhận hoàn thành từng phần Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản - BTM-TGG-264797

a) Thời hạn giải quyết: Tổng thời hạn giải quyết tối đa là 40 (bốn mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Cách thức thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: chưa quy định.

d) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

14. Chấp thuận điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao - BTM-TGG-264781

a) Thời hạn giải quyết: hai mươi (20) ngày làm việc.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: không quy định.

d) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

II. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

1. Cấp Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ - BTM-TGG-265058

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* Trong thời gian ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn thẩm định hồ sơ:* Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Thời hạn trả giấy phép:* Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp phép hành nghề.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: 1.300.000 đồng/ hồ sơ.

d) Căn cứ pháp lý

- Luật tài nguyên nước năm 2012.

- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

- Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ - BTM-TGG-265059

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* Trong thời gian ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn thẩm định hồ sơ*: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.

- *Thời hạn trả giấy phép*: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp phép hành nghề.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí

650.000 đồng/ hồ sơ.

d) Căn cứ pháp lý

- Luật tài nguyên nước năm 2012.

- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- *Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.*

- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

- Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

3. Cấp lại Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ - BTM-TGG-265039

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ*: Trong thời gian ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn thẩm định hồ sơ*: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.

- *Thời hạn trả giấy phép*: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cấp phép hành

nghe. Sở Tài nguyên và Môi trường giao trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép giấy phép sau khi chủ giấy phép đã nộp đầy đủ phí và lệ phí theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: Không

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Tài nguyên nước năm 2012.

- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

4. Cấp Giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm - BTM-TGG-265050

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn thẩm định đề án:* Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.

- *Thời hạn trả giấy phép:* Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí

- Phí thăm định đề án thăm dò nước dưới đất

Thăm định thiết kế giếng thăm dò có lưu lượng nước trên 10 m ³ /ngàyđêm đến dưới 200 m ³ /ngàyđêm	830.000 đồng/đề án
Thăm định đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 200 m ³ /ngàyđêm đến dưới 500 m ³ /ngàyđêm	1.250.000 đồng/đề án
Thăm định đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 500 m ³ /ngàyđêm đến dưới 1.000 m ³ /ngàyđêm	5.350.000 đồng/đề án
Thăm định đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000 m ³ /ngàyđêm đến dưới 3.000 m ³ /ngàyđêm	6.350.000 đồng/đề án

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;
- Nghị quyết số 17/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

5. Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ ngày đêm - BTM-TGG-265051

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.
- *Thời hạn thăm định báo cáo:* Trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thăm định báo cáo.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo không tính vào thời gian thăm định báo cáo. Thời gian thăm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.

- *Thời hạn trả giấy phép*: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí

Phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp gia hạn, điều chỉnh: bằng 50% mức thu phí thẩm định cấp phép lần đầu.

Phí thẩm định cấp phép đề án thăm dò nước dưới đất lần đầu

Thẩm định thiết kế giếng thăm dò có lưu lượng nước trên 10 m ³ /ngày đêm đến dưới 200 m ³ /ngày đêm	830.000 đồng/đề án
Thẩm định đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm	1.250.000 đồng/đề án
Thẩm định đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm	5.350.000 đồng/đề án
Thẩm định đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	6.350.000 đồng/đề án

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Tài nguyên nước năm 2012.

- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

- Nghị quyết số 17/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

6. Cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm - BTM-TGG-265052

a) Thời hạn giải quyết

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- Thời hạn thẩm định báo cáo, bản kê khai: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo, bản kê khai.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo, bản kê khai không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo, bản kê khai được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.

- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

- Thời hạn trả quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí

- Phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép:

* Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất:	
Thẩm định báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò có lưu lượng nước trên 10 m ³ /ngày đêm đến dưới 200 m ³ /ngày đêm	830.000 đồng/báo cáo
Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm	1.720.000 đồng/báo cáo
Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000m ³ / ngày đêm	5.450.000 đồng/báo cáo
Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước	7.180.000 đồng/báo cáo

từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	
* Thăm định báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất:	
Thăm định báo cáo kết quả thi công giếng khai thác có lưu lượng nước trên 10 m ³ /ngày đêm đến dưới 200 m ³ /ngày đêm	830.000 đồng/báo cáo
Thăm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm	1.250.000 đồng/báo cáo
Thăm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm	5.350.000 đồng/báo cáo
Thăm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	6.350.000 đồng/báo cáo

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;
- Nghị quyết số 17/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

7. Gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm - BTM-TGG-265053

a) Thời hạn giải quyết

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn thẩm định báo cáo, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:* Trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo; xác định lại tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo, bản kê khai được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.

- *Thời hạn trả giấy phép:* Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thông báo số tiền truy thu, hoàn trả cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác tài nguyên nước và nêu rõ lý do phải truy thu, hoàn trả.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí

- Lệ phí: không quy định.

- Phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp gia hạn, điều chỉnh: bằng 50% mức thu phí thẩm định cấp phép lần đầu.

Phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lần đầu

* Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất:	
Thẩm định báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò có lưu lượng nước trên 10 m ³ /ngày đêm đến dưới 200 m ³ /ngày đêm	830.000 đồng/báo cáo
Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm	1.720.000 đồng/báo cáo
Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000m ³ / ngày đêm	5.450.000 đồng/báo cáo
Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	7.180.000 đồng/báo cáo

* Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất:	
Thẩm định báo cáo kết quả thi công giếng khai thác có lưu lượng nước trên 10 m ³ /ngày đêm đến dưới 200 m ³ /ngày đêm	830.000 đồng/báo cáo
Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm	1.250.000 đồng/báo cáo
Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm	5.350.000 đồng/báo cáo
Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	6.350.000 đồng/báo cáo

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Tài nguyên nước năm 2012;
- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;
- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất; mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước.
- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;
- Nghị quyết số 17/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

8. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m³/ ngày đêm - BTM-TGG-265054

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo, bản kê khai:* Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo, bản kê khai.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo, bản kê khai không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo, bản kê khai. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.

- *Thời hạn trả giấy phép:* Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

- *Thời hạn trả quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:* Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí

- Lệ phí: không quy định.

- Phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép:

* Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt	
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng trên 100 m ³ /ngày	850.000 đồng/ đề án, báo cáo

đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm	
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng trên 0,1 m ³ / giây đến dưới 0,5 m ³ /giây; hoặc để phát điện với công suất trên 50 kw đến dưới 200 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm;	1.900.000 đồng/ đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 0,5 m ³ / giây đến dưới 1 m ³ /giây; hoặc để phát điện với công suất từ 200 kw đến dưới 1.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 20.000 m ³ /ngày đêm;	6.250.000 đồng/ đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 1 m ³ /giây đến dưới 2 m ³ /giây; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 50.000 m ³ /ngày đêm;	8.400.000 đồng/ đề án, báo cáo
* Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước biển:	
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước biển cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng trên 10.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 30.000 m ³ /ngày đêm	1.900.000 đồng/ đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước biển cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng từ 30.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 50.000 m ³ /ngày đêm	7.100.000 đồng/ đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước biển cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng từ 50.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 100.000 m ³ /ngày đêm	8.800.000 đồng/ đề án, báo cáo

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất; mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước.

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

- Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

9. Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới $2m^3$ /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới $50.000 m^3$ / ngày đêm; gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới $100.000 m^3$ / ngày đêm - BTM-TGG-265055

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ*: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn thẩm định báo cáo*: Trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.

- *Thời hạn trả giấy phép*: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

Thông báo trả kết quả: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thông báo số tiền truy thu, hoàn trả cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác tài nguyên nước và nêu rõ lý do phải truy thu, hoàn trả.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí

- Lệ phí: không quy định.

- Phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp gia hạn, điều chỉnh: bằng 50% mức thu phí thẩm định cấp phép lần đầu.

Phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lần đầu

* Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt	
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng trên 100 m ³ /ngày đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm	850.000 đồng/ đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng trên 0,1 m ³ / giây đến dưới 0,5 m ³ /giây; hoặc để phát điện với công suất trên 50 kw đến dưới 200 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm;	1.900.000 đồng/ đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 0,5 m ³ / giây đến dưới 1 m ³ /giây; hoặc để phát điện với công suất từ 200 kw đến dưới 1.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 20.000 m ³ /ngày đêm;	6.250.000 đồng/ đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 1 m ³ /giây đến dưới 2 m ³ /giây; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 50.000 m ³ /ngày đêm;	8.400.000 đồng/ đề án, báo cáo
* Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước biển:	
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước biển cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng trên 10.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 30.000 m ³ /ngày đêm	1.900.000 đồng/ đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước biển cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng từ 30.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 50.000 m ³ /ngày đêm	7.100.000 đồng/ đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước biển cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng từ 50.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 100.000 m ³ /ngày đêm	8.800.000 đồng/ đề án, báo cáo

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Tài nguyên nước năm 2012;

- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất; mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

- Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

10. Cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m³/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm đối với các hoạt động khác - BTM-TGG-265056

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ*: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo*: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.

- *Thời hạn trả giấy phép*: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí

- Lệ phí: không quy định.

- Phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép:

Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng nước dưới 5 m ³ /ngày đêm đối với nước thải có chứa hóa chất độc hại, chất phóng xạ; Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng trên 5 đến dưới 100 m ³ /ngày đêm	850.000đồng/ đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng từ 100 đến dưới 500 m ³ /ngày đêm	1.900.000 đồng/ đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng từ 500 đến dưới 2.000 m ³ /ngày đêm	7.100.000 đồng/ đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng từ 2.000 đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	9.150.000 đồng/ đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng nước trên 10.000 đến dưới 20.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản	10.050.000 đồng/ đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng nước từ 20.000 đến dưới 30.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản	10.950.000 đồng/ đề án, báo cáo

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

- Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

11. Gia hạn/điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m³/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm đối với các hoạt động khác - BTM-TGG-265057

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn thẩm định báo cáo:* Trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.

- *Thời hạn trả giấy phép:* Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí

- Lệ phí: không quy định.

- Phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp gia hạn, điều chỉnh: bằng 50% mức thu phí thẩm định cấp phép lần đầu.

Phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lần đầu

Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng nước dưới 5 m ³ /ngày đêm đối với nước thải có chứa hóa chất độc hại, chất phóng xạ; Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng trên 5 đến dưới 100 m ³ /ngày đêm	850.000đồng/ đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng từ 100 đến dưới 500 m ³ /ngày đêm	1.900.000 đồng/ đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng từ 500 đến dưới 2.000 m ³ /ngày đêm	7.100.000 đồng/ đề án, báo cáo

Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng từ 2.000 đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	9.150.000 đồng/ đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng nước trên 10.000 đến dưới 20.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản	10.050.000 đồng/ đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng nước từ 20.000 đến dưới 30.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản	10.950.000 đồng/ đề án, báo cáo

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Tài nguyên nước năm 2012.
- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;
- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;
- Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

12. Cấp lại Giấy phép tài nguyên nước - BTM-TGG-264911

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ*: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.
- *Thời hạn thẩm định hồ sơ*: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.
- *Thời hạn trả giấy phép*: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: Không quy định.

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Tài nguyên nước năm 2012;

- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước.

13. Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh - BTM-TGG-264913

a) Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi các tài liệu liên quan đến các sở, ban, ngành liên quan thuộc tỉnh.

- Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ dự án, tổ chức lưu vực sông có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho chủ dự án. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp với sở, ban, ngành liên quan thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng hoặc đối thoại trực tiếp với chủ dự án tổng hợp ý kiến và trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí

Không

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Tài nguyên nước năm 2012;

- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

14. Chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn thẩm định hồ sơ:* Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí (nếu có): không

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Tài nguyên nước năm 2012;

- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước.

15. Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi - BTM-TGG-264810

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra phương án:* Trong thời gian mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phương án cấm mốc giới của tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra phương án.

- *Thời hạn thẩm định, lấy ý kiến các cơ quan liên quan, phê duyệt phương án:* Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phương án có đầy đủ nội dung, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến, gửi tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa để hoàn thiện và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: Không

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Tài nguyên nước năm 2012;

- Nghị định số 43/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/5/2015 quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

16. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép trước ngày Nghị định số 82/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành - BTM-TGG-265061

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ kèm theo văn bản giải thích rõ lý do;

- *Thời hạn thẩm định hồ sơ và phê duyệt tiền cấp quyền:* không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

- *Thời hạn gửi thông báo:* Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: Không

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

17. Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước - BTM-TGG-265060

a) Thời hạn giải quyết

Thời hạn kiểm tra, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: không quá 20 ngày làm việc.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

***c) Phí, lệ phí:* Không**

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

III. LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN

1. Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản - BTM-TGG-264984-10580

a) Thời hạn giải quyết

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản: 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thông báo thông tin về phiên đấu giá.

- Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia phiên đấu giá và báo cáo Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc chuyển hồ sơ đấu giá của tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia đấu giá cho tổ chức đấu giá chuyên nghiệp (trường hợp đấu giá thông qua tổ chức đấu giá chuyên nghiệp) để thực hiện đấu giá theo quy định.

- Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc tổ chức đấu giá chuyên nghiệp phải tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức phiên đấu giá ít nhất là 07 ngày.

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá: 05 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: Mức thu phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định.

d) Căn cứ pháp lý

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

- Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

2. Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt - BTM-TGG-264986-10580

a) Thời hạn giải quyết

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản: 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thông báo thông tin về phiên đấu giá.

- Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia phiên đấu giá và báo cáo Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc chuyển hồ sơ đấu giá của tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia đấu giá cho tổ chức đấu giá chuyên nghiệp (trường hợp đấu giá thông qua tổ chức đấu giá chuyên nghiệp) để thực hiện đấu giá theo quy định.

- Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc tổ chức đấu giá chuyên nghiệp phải tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức phiên đấu giá ít nhất là 07 ngày.

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá: 05 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: Mức thu phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định.

d) Căn cứ pháp lý

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

- Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

3. Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản - BTM-TGG-264992-10580

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ*: không quá 05 ngày.

- *Thời hạn thẩm định hồ sơ*:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn.

+ Trong thời hạn không quá 30 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn.

- *Thời hạn giải quyết gia hạn Giấy phép thăm dò*:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.

Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- *Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ*: Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí

- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.

d) Căn cứ pháp lý

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

4. Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản - BTM-TGG-264993-10580

a) Thời hạn giải quyết

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày.

- Thời thăm định hồ sơ:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò.

+ Trong thời hạn không quá 30 ngày, phải hoàn thành việc thăm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến chuyển nhượng quyền thăm dò.

- Thời hạn giải quyết chuyển nhượng quyền thăm dò Giấy phép thăm dò:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép chuyển nhượng quyền thăm dò.

Trong trường hợp không cấp chuyển nhượng quyền thăm dò Giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- *Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ*: không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản từ Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí :

- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 ha, mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.

d) Căn cứ pháp lý

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

5. Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản - BTM-TGG-264994-10580

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn hồ sơ*: không quá 05 ngày.

- *Thời thẩm định giá hồ sơ:*

+ Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản.

+ Trong thời hạn không quá 30 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản

- *Thời hạn giải quyết trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản:*

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản.

Trong trường hợp không cho phép trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- *Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:* không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: không

d) Căn cứ pháp lý

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 ngày 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu

văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

6. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản - BTM-TGG-264999-10580

a) Thời hạn giải quyết

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày.

- Thời hạn kiểm tra báo cáo trữ lượng khoáng sản:

+ Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra toàn bộ hồ sơ tài liệu báo cáo; kiểm tra thực địa khu vực thăm dò khoáng sản, mẫu lõi khoan, hào, giếng trong trường hợp xét thấy cần thiết;

+ Trong thời gian không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc công việc nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi báo cáo kết quả thăm dò đến các chuyên gia thuộc các lĩnh vực chuyên sâu để lấy ý kiến góp ý về các nội dung có liên quan trong báo cáo thăm dò khoáng sản. Thời gian trả lời của chuyên gia không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

+ Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày kết thúc công việc nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của các chuyên gia và chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

- Thời hạn thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản:

+ Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành nội dung công việc thẩm định hồ sơ, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật (nếu thành lập) tổ chức phiên họp Hội đồng.

+ Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành biên bản họp Hội đồng. Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản theo ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện kèm theo biên bản họp Hội đồng.

Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng bổ sung, hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định báo cáo.

+ Trong thời gian không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thăm dò đã bổ sung, hoàn chỉnh của tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định.

+ Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Trong thời gian 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng đến nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí :

STT	Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT)	Mức thu
1	Đến 01 tỷ đồng	10 triệu đồng
2	Trên 01 đến 10 tỷ đồng	10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 01 tỷ đồng)
3	Trên 10 đến 20 tỷ đồng	55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng)
4	Trên 20 tỷ đồng	85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng)

d) Căn cứ pháp lý

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 ngày 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Thông tư 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

7. Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản - BTM-TGG-264995-10580

a) Thời hạn giải quyết

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn.

+ Trong thời hạn không quá 30 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn

- Thời hạn giải quyết gia hạn Giấy phép khai thác:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản.

Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí :

STT	Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đồng/giấy phép)
1	Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối:	
A	Có công suất khai thác dưới 5.000 m ³ /năm;	500.000
B	Có công suất khai thác từ 5.000 m ³ đến 10.000 m ³ /năm;	5.000.000
C	Có công suất khai thác trên 10.000 m ³ /năm.	7.500.000
2	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:	
A	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm;	7.500.000

B	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này;	10.000.000
c	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này.	15.000.000
3	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng.	20.000.000
4	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1,2,3,6,7 của biểu mức thu này	
A	Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	20.000.000
B	Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	25.000.000
5	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2,3,6 của biểu mức thu này.	30.000.000
6	Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm.	40.000.000
7	Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại	50.000.000

d) Căn cứ pháp lý

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 ngày 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Thông tư 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

8. Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản - BTM-TGG-264998-10580

a) Thời hạn giải quyết

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày.

- Thời thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

+ Trong thời hạn không quá 30 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản

- Thời hạn giải quyết trả lại giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép hoặc không cho phép trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

Trong trường hợp không cho phép trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản để nhận kết quả.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: không

d) Căn cứ pháp lý

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 ngày 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

9. Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản - BTM-TGG-265004-10580

a) Thời hạn giải quyết

- *Kiểm tra hồ sơ*: không quá 05 ngày

- *Thẩm định hồ sơ*:

+ Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn.

- *Thời hạn giải quyết gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản*:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 03 ngày, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không đồng ý gia hạn giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- *Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ*:

Trong thời gian không quá 02 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn để nhận kết quả.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí:

Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu: 2.500.000 đồng/01 giấy phép

d) Căn cứ pháp lý

- Luật khoáng sản 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 ngày 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

10. Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình - BTM-TGG-264979-10580

a) Thời hạn giải quyết

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

+ Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản:

Trong thời gian không quá 25 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa;

* Trong thời gian không quá 06 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan về việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định;

* Trong thời gian không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. Sau thời hạn nêu trên mà không có văn bản trả lời thì được coi như cơ quan được lấy ý kiến đã đồng ý. Thời gian lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan không tính vào thời gian thẩm định.

* Trong thời gian không quá 40 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

+ **Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản:** không quá 20 ngày.

Trong thời hạn không quá 20 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản.

+ **Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:** không quá 45 ngày

* Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa;

* Trong thời gian không quá 35 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Thời hạn cấp giấy phép:

+ **Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản:** không quá 12 ngày.

* Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho Bộ Tài nguyên và Môi trường.

* Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ **Đối với Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản:** không quá 12 ngày

* Trong thời gian không quá 05 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh;

* Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc điều chỉnh hoặc không điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

+ **Đối với giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:** không quá 12 ngày

* Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

* Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

+ **Đối với giấy phép khai thác khoáng sản:** trong thời gian không quá 07 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả. Thời gian nêu trên không kể thời gian tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm thủ tục nộp tiền cấp quyền khai thác lần đầu.

+ **Đối với Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản:** trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả.

+ **Đối với giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:** trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí:

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

- **Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:**

Số TT	Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đồng/giấy phép)
1	Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối	
A	Có công suất khai thác dưới 5.000 m ³ /năm	1.000.000
B	Có công suất khai thác từ 5.000 m ³ đến 10.000 m ³ /năm	10.000.000
C	Có công suất khai thác trên 10.000 m ³ /năm	15.000.000
2	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	
A	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng	15.000.000

Số TT	Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đồng/giấy phép)
	thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm	
b	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này	20.000.000
C	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này	30.000.000
3	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng	40.000.000
4	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này	
A	Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	40.000.000
B	Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	50.000.000
5	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này	60.000.000
6	Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm	80.000.000
7	Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại	100.000.000

- Đối với Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: không mất phí, lệ phí

d) Căn cứ pháp lý

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.
- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;
- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu

văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản;

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

11. Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản - BTM-TGG-265174-10580

a) Thời hạn giải quyết

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: không quá 55 ngày.

+ Trong thời gian không quá 40 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi đề án thăm dò để lấy ý kiến góp ý của một số chuyên gia thuộc lĩnh vực chuyên sâu và tổ chức thẩm định nội dung đề án thăm dò khoáng sản. Thời gian trả lời ý kiến của chuyên gia không quá 10 ngày, kể từ khi nhận được đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp nội dung đề án thăm dò khoáng sản phức tạp, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng kỹ thuật để thẩm định đề án. Thời gian quyết định việc thành lập, họp Hội đồng kỹ thuật được tính vào thời gian tổ chức thẩm định đề án thăm dò khoáng sản.

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến góp ý của các chuyên gia, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến và gửi kèm theo hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản kèm theo ý kiến góp ý của các chuyên gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thông qua nội dung đề án thăm dò khoáng sản để cấp phép hoặc thành lập Hội đồng thẩm định trong trường hợp cần thiết.

Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa đề án thăm dò khoáng sản theo ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc ý kiến của Hội đồng thẩm định, cơ quan tiếp

nhận hồ sơ gửi văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua đề án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án thăm dò khoáng sản.

Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thăm dò bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thăm định đề án thăm dò khoáng sản.

- *Thời hạn cấp Giấy phép thăm dò:*

+ Trong thời hạn không quá 21 ngày kể từ ngày tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn chỉnh theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thăm định hồ sơ, đề án, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép thăm dò cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- *Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:*

Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí:

- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 ha, mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép.

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản;

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

12. Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản - BTM-TGG-264996-10580

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ*: không quá 05 ngày.

- *Thời hạn thẩm định hồ sơ*:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng.

+ Trong thời hạn không quá 30 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến chuyển nhượng

- *Thời hạn giải quyết chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản*:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép hoặc không cho phép chuyển nhượng.

Trong trường hợp không cho phép chuyển nhượng thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản để nhận kết quả.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí

STT	Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đồng/giấy phép)
1	Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối:	
A	Có công suất khai thác dưới 5.000 m ³ /năm;	500.000
B	Có công suất khai thác từ 5.000 m ³ đến 10.000 m ³ /năm;	5.000.000
C	Có công suất khai thác trên 10.000 m ³ /năm.	7.500.000
2	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:	
a	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm;	7.500.000
B	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này;	10.000.000
C	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi	15.000.000

	lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này.	
3	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng.	20.000.000
4	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1,2,3,6,7 của biểu mức thu này	
A	Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	20.000.000
B	Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	25.000.000
5	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2,3,6 của biểu mức thu này.	30.000.000
6	Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm.	40.000.000
7	Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại	50.000.000

d) Căn cứ pháp lý

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 ngày 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

13. Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản - BTM-TGG-265003-10580

a) Thời hạn giải quyết

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày

- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản và kiểm tra thực địa.

+ Trong thời gian không quá 15 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản.

- Thời hạn trình hồ sơ, quyết định cấp giấy phép:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không cấp giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- *Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:*

Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: 5.000.000 đồng/01giấy phép.

d) Căn cứ pháp lý

- Luật khoáng sản 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 ngày 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

14. Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản - BTM-TGG-265005-10580

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* không quá 05 ngày

- *Thời hạn thẩm định hồ sơ:*

+ Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

- *Thời hạn giải quyết gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản:*

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 03 ngày, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định cho phép trả lại hoặc không cho phép trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- *Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:*

Trong thời gian không quá 02 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn để nhận kết quả.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: không

d) Căn cứ pháp lý

- Luật khoáng sản 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 ngày 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/ 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

15. Đóng cửa mỏ khoáng sản - BTM-TGG-265002-10580

a) Thời hạn giải quyết

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày.

- Thời hạn thẩm định đề án đóng cửa mỏ: không quá 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Trong thời gian không quá 10 ngày kể từ ngày có Phiếu tiếp nhận hồ sơ cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ; lấy ý kiến nhận xét, phản biện của thành viên Hội đồng; mời đại diện thành viên Hội đồng tham gia kiểm tra thực địa (trong trường hợp cần thiết). Trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, tổ chức, cá nhân được gửi lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về nội dung đề án đóng cửa mỏ và các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn nêu trên, nếu không có văn bản trả lời coi như đã đồng ý.

+ Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến nhận xét, phản biện và cơ quan liên quan, cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổng hợp ý kiến góp ý, lập tờ trình báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định để tổ chức phiên họp Hội đồng.

+ Trong thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Hội đồng quyết định thời điểm tổ chức phiên họp Hội đồng.

+ Trong thời gian không quá 06 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp, Chủ tịch Hội đồng thẩm định hoàn thành Biên bản họp Hội đồng. Trường hợp phải bổ sung, hoàn chỉnh hoặc chưa thông qua đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ, trong đó nêu rõ lý do phải bổ sung, hoàn chỉnh hoặc chưa thông qua đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, kèm theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định.

Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án đóng cửa mỏ khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định.

- Thời hạn trình hồ sơ, đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản

+ Trường hợp đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được Hội đồng thẩm định thông qua, trong thời gian không quá 08 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp Hội đồng hoặc nhận được văn bản bổ sung, hoàn chỉnh đề án của tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ (nếu có), Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh và trình hồ sơ phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

+ Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được Tờ trình, kèm theo hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản ban hành quyết định phê duyệt đề án; trường hợp không phê duyệt đề án, phải có trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn trả kết quả phê duyệt đề án đóng cửa mỏ: Trong thời gian

không quá 02 ngày, kể từ khi nhận được quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định.

- *Thời hạn tổ chức, cá nhân thực hiện nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt:* Thời gian căn cứ vào nội dung đề án đóng cửa mỏ được phê duyệt và không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

- *Thời hạn nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản:* Trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền xác nhận, hoàn trả tiền ký quỹ phục hồi môi trường, cơ quan khác có liên quan tổ chức kiểm tra thực địa để xác minh kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- *Thời hạn trình hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ:* Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ khi kết thúc kiểm tra thực địa về kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ theo quy định và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

- *Thời hạn ban hành Quyết định đóng cửa mỏ:* Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan tiếp nhận, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản, trường hợp không đồng ý ban hành quyết định thì phải có trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- *Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:* Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ khi nhận được Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: Bộ Tài chính quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí thẩm định đề án đóng cửa mỏ, nghiệm thu thực hiện đề án đóng cửa mỏ.

d) Căn cứ pháp lý

- Luật khoáng sản 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 ngày 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản.

16. Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đối với trường hợp Giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp trước ngày Nghị định số 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực) - BTM-TGG-265038-10580

a) Thời hạn giải quyết

- Chậm nhất là 10 (mười) ngày làm việc khi nhận được văn bản phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Cục thuế địa phương nơi có khu vực khoáng sản được cấp phép khai thác ra thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP, gửi tổ chức, cá nhân được cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Thời điểm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản chậm nhất lần đầu là 90 (chín mươi) ngày tính từ ngày nhận được thông báo của Cục thuế địa phương; thời điểm các lần sau chậm nhất là ngày 31 tháng 3 các năm tiếp theo. Sau các thời điểm này, ngoài số tiền phải nộp theo thông báo, tổ chức, cá nhân còn phải nộp tiền phạt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: không

d) Căn cứ pháp lý

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

17. Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch - BTM-TGG-264981-10580

a) Thời hạn giải quyết

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: không quá 35 ngày.

+ Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra tại thực địa;

+ Trong thời gian không quá 25 ngày, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Thời hạn cấp Giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 12 ngày

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ đăng ký cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố nơi có dự án xây dựng công trình/ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch;

+ Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hoàn thành việc đăng ký. Trong trường hợp không đăng ký thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký khối lượng khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Thời gian nêu trên không kể thời gian tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm thủ tục nộp tiền cấp quyền khai thác.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: không

d) Căn cứ pháp lý

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

18. Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản - BTM-TGG-264982-10580

a) Thời hạn giải quyết

Không quá 10 ngày.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: không

d) Căn cứ pháp lý

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

IV. LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

1. Giao khu vực biển - BTM-TGG-265070

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ*: không quá năm (05) ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn thẩm định hồ sơ*: không quá 45 ngày kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định). Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan.

- *Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ*:

Thời hạn trình hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.

Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ.

- *Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ*: không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT giữa Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển.

d) Căn cứ pháp lý

- Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển.

2. Gia hạn Quyết định giao khu vực biển - BTM-TGG-265071

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ*: không quá năm (05) ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn tiến hành thẩm định*: không quá 30 ngày kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định). Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan.

- *Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ*:

Thời hạn trình hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.

Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ.

- *Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ*: không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT giữa Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển.

d) Căn cứ pháp lý

- Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển.

3. Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển - BTM-TGG-265072

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* không quá năm (05) ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn tiến hành thẩm định:* không quá 20 ngày kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định). Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan.

- *Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:*

Thời hạn trình hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.

Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ.

- *Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:* không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT giữa Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển.

d) Căn cứ pháp lý

- Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển.

4. Trả lại khu vực biển - BTM-TGG-265073

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* không quá năm (05) ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn tiến hành thẩm định:* không quá 30 ngày kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định). Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan.

- *Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:*

Thời hạn trình hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.

Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ.

- *Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:* không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT giữa Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển.

d) Căn cứ pháp lý

- Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển.

5. Thu hồi khu vực biển - BTM-TGG-264914

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra, thẩm tra hồ sơ:* Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển vi phạm một trong các quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều 21 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP; không quá 20 ngày kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định sử dụng khu vực biển đã giao để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia. Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc thu hồi khu vực biển.

- *Thời hạn giải quyết hồ sơ:* Không quá 10 ngày, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ.

- *Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:* Không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, đường Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: Không

d) Căn cứ pháp lý

Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

V. LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

1. Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn - BTM-TGG-264945

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* Hai (02) ngày làm việc.

- *Thời hạn tiến hành thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận Cấp phép:* Mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: Không

d) Căn cứ pháp lý

- Luật khí tượng thủy văn 2015;

- Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khí tượng thủy văn;

- Nghị định số 136 /2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

2. Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn - BTM-TGG-264946

a) Thời hạn giải quyết

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Hai (02) ngày làm việc.

- Thời hạn tiến hành thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận Cấp phép: Mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: Không

d) Căn cứ pháp lý

- Luật khí tượng thủy văn 2015;

- Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khí tượng thủy văn;

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

3. Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn - BTM-TGG-264947

a) Thời hạn giải quyết

Thời hạn tiến hành thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận Cấp phép: Năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: Không

d) Căn cứ pháp lý

- Luật khí tượng thủy văn 2015;

- Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khí tượng thủy văn;

- Nghị định số 136 /2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên.

B. CẤP HUYỆN

I. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

1. Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường - BTM-TGG-264790

a) Thời hạn giải quyết: Không quá mười lăm (10) ngày kể từ ngày nhận được kế hoạch bảo vệ môi trường.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014.

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược; đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

II. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

1. Đăng ký khai thác nước dưới đất - BTM-TGG-264925

a) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm hoàn thành hai (02) tờ khai và nộp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc nộp cho tổ trưởng tổ dân phố để nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai của tổ chức, cá nhân, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận vào tờ khai và gửi một (01) bản cho tổ chức, cá nhân.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Tài nguyên nước năm 2012;
- Thông tư số 27/2014/TT- BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước.

2. Lấy ý kiến UBND cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh - BTM-TGG-264926

a) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn bốn mươi (40) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp với các cơ quan, tổ chức có liên quan cho ý kiến về quy mô, phương án chuyển nước đề xuất hoặc đối thoại trực tiếp với chủ dự án.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện; nơi nguồn nước nội tỉnh bị chuyển nước và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang (Số 11, Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Tài nguyên nước năm 2012;

- Thông tư số 27/2014/TT- BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước.

B. CẤP XÃ

LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

1. Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường - BTM-TGG-264791

a) Thời hạn giải quyết: Không quá mười lăm (10) ngày kể từ ngày nhận được kế hoạch bảo vệ môi trường.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014.

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược; đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

2. Tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường - BTM-TGG-264792

a) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn mười (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014.

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược; đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.